TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-10-2019.
V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 121/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1986.
Địa chỉ: thôn Tr, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Vương Thị C**, sinh năm 1995. Vắng mặt.
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số 1 phố Y, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại ĐB - Đài Loan (Trung Quốc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân. Anh và chị Vương Thị C kết hôn vào ngày 29/12/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ ngày 15/4/2017 anh và chị C chính thức ly thân và anh Q chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã BD, huyện K Th, tỉnh Hải Dương ở, không quan tâm tới chị C. Tháng 9 năm 2018 chị C đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Anh Quang đã nhiều lần liên lạc với chị C để hỏi địa chỉ của chị C ở Đài Loan nhưng chị C không cho biết. Anh Q đã vài lần đến nhà bố mẹ đẻ chị C để hỏi về địa chỉ của chị C ở bên Đài Loan nhưng gia đình chị C không cung cấp. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn, vợ chồng không liên lạc, quan tâm gì tới nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hiếu M, sinh ngày 13/6/2017, hiện đang ở với bố mẹ chị C. Nay ly hôn, quan điểm của anh Q là cháu M còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giao con cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đoàn Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Vương Thị C, anh Nguyễn Hồng Q là con rể. Anh Quang và chị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng thuê nhà trọ ở phường Nh, TP. Hải Dương sau đó anh Q chị C mâu thuẫn, anh Q chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Kim Thành ở, chị Cúc về nhà bà Tiệp tại 1 Y, phường H, thành phố D ở. Năm 2018 chị C đi lao động tại Đài Loan và để lại con là Nguyễn Hiếu M cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi đẻ ra đến nay. Về phía anh Q và gia đình anh Q chưa lần nào tới thăm hỏi hay đóng góp nuôi dưỡng cháu M. Hiện chị Cúc vẫn thỉnh thoảng gửi tiền về để bà nuôi cháu M. Do chị C đi làm tự do, bà T hỏi địa chỉ cụ thể nhưng chị C không cung cấp. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị C qua điện thoại và thông báo cho chị C biết việc anh Q đang yêu cầu Tòa án tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị C biết. Qua trao đổi thì bà được chị C cho biết chị đồng ý ly hôn với anh Q và chị có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị C. Do hiện này chị C đang lao động làm việc ở nước ngoài nên chị C ủy quyền cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Khi chị C và anh Q ly hôn, bà đồng ý thay chị C chăm sóc con chung của anh chị là Nguyễn Hiếu M trong thời gian chị C không có mặt ở Việt Nam và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hồng Q vắng mặt, tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt anh Q có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho chon. Chị Vương Thị C vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Q và chị C ly hôn. Giao cháu Nguyễn Hiểu M cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, trong thời gian chị C không ở Việt Nam do bà Đoàn Thị T chăm sóc thay. Chị C tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Q phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án. Anh Nguyễn Hồng Q đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Vương Thị C là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh Q chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị C ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị C tại nước ngoài. Bà T là mẹ đẻ của chị C xác định gia đình không biết địa chỉ của chị C tại Đài Loan nhưng vẫn liên lạc được với chị C nên đồng ý nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị C. Chị C không cung cấp địa chỉ cho gia đình. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị C vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua gia đình, người thân và niêm yết các văn bản tố tụng 02 lần theo đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Q và chị C là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng Q và chị Vương Thị C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh Q và chị C chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Anh Q đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở KTh, Hải Dương để ở, còn chị C về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Năm 2018 chị C đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) và anh Q không biết địa chỉ của chị C tại Đài Loan. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị C mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhiều năm không còn quan tâm đến nhau và được chứng minh bằng quan điểm

của chính quyền, đoàn thể tại địa phương và của đại diện gia đình chị C. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Q, xử cho anh Q được ly hôn chị C là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Q và chị C có một con chung là Nguyễn Hiếu M, sinh ngày 13/6/2017. Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của chị C, anh Q thì thấy: Từ khi cháu M ra đời, chị C và mẹ đẻ là bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu M cho đến nay. Chị C hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng chị vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình và con, chị vẫn gửi tiền về cho bà T để nuôi con. HĐXX xét thấy anh Q và chị C đều có thu nhập ổn định và có khả năng nuôi con, mặc dù con chung còn nhỏ nhưng hiện nay chị C là mẹ đẻ cháu Minh đang lao động ở Đài Loan, còn anh Q đang lao động tại Hải Dương nên để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp và chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền cho con, như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này chị C về Việt Nam sinh sống có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xét. Chị C không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung sau này nếu chị C có đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hồng Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hồng Q ly hôn chị Vương Thị C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Hồng Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Hiểu M, sinh ngày 13/6/2017 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hồng Q không yêu cầu chị Vương Thị C phải cấp dưỡng tiền cho con.

Không ai được cản trở chị Vương Thị C thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Đối trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2017/0004918 ngày 18/12/2018. Anh Q đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hồng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Chị Vương Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA Dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Bd, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- UBND phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân

Hội thẩm nhân dân | **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bích Liên **Nguyễn Văn Khóa** **Nguyễn Minh Tân**